

Khoa học và kỹ thuật Thủ đô năm qua đã thực sự bước vào sự đổi mới cả ở tư duy lẫn hoạt động thực tiễn. Đáng kể nhất trong đổi mới phải nói đến sự chuyển biến về nhận thức của các ngành, các cấp quản lý. Chế độ, chính sách đã bước đầu mở ra những nét mới ban đầu trong hoạt động KHKT của các thành phần kinh tế. Hiệu quả của KHKT với sản xuất đời sống tuy còn chưa lớn nhưng với đã đổi mới như hiện nay, hy vọng sẽ có những bước tiến đáng kể trong năm 1989 - 1990.

TRONG khó khăn chung của cả nước do thiếu nguyên liệu, năng lượng vật tư, thiếu vốn, giá cả lại leo thang liên tục, hoạt động KHKT của Thủ đô trong năm qua đã gặp phải rất nhiều khó khăn. Song quán triệt tinh thần đổi mới của Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ 6, các ngành, các cấp đã hăng hái chủ động, vượt qua được rất nhiều khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ chính trị. KHKT được xem là cứu cánh, là động lực để thúc đẩy sản xuất phát

+ Chương trình hành tây xuất khẩu (01 - 29).
Công tác xây dựng và giao kế hoạch được tiến hành khẩn trương. Đồng thời với sự năng động của các ngành các cấp, các cơ quan tổng hợp thành phố (Ủy ban kế hoạch, Sở tài chính, Ủy ban Khoa học kỹ thuật) đã chủ động kiểm tra, điều chỉnh kịp thời và chủ động trượt giá cho các chương trình, đề tài, cho nên kế hoạch KHKT năm 1988 nói chung đã được thực hiện đúng kế hoạch.

CÔNG TÁC KHOA HỌC KỸ THUẬT CỦA THỦ ĐÔ NĂM 1988 VÀ PHƯƠNG HƯỚNG NĂM 1989

NGUYỄN ĐỨC KHIÊN

triển. Do đó hoạt động KHKT đã được sự quan tâm của tất cả các ngành các cấp. Năm 1988, toàn thành phố có 57 ban, ngành, quận, huyện, thị có kế hoạch KHKT cấp thành phố. Nhiều chương trình tiến bộ kỹ thuật mới đã được bổ sung vào kế hoạch như:

- + Chương trình xe đạp - xe máy (01 - 25);
- + Chương trình hàng xuất khẩu cho Liên Xô (01 - 26);
- + Chương trình chính sách tài chính phục vụ cho phát triển kinh tế xã hội của Thủ đô (01 - 27);
- + Chương trình quy hoạch và tổ chức các mô hình quản lý kỹ thuật đối với các thành phần kinh tế (01 - 28).

Các chương trình nông nghiệp, nhìn chung đều đạt kết quả tốt.

Đã tiến hành cải tạo và thâm canh lúa trên nền đất trũng với các giống lúa V 14, V 15, C 180, C 37, VN 10, OM 80 và 7694 trên nền phân lót 10 tấn phân chuồng + 10 Kg N + 60 kg P_2O_5 + 60 kg K_2O . Kết quả cho thấy:

- + Các giống V 15 V 14, OM 80 tuy khả năng đẻ nhánh và sinh trưởng không nhanh, nhưng từ giai đoạn làm đòng trở về sau có tốc độ sinh trưởng dinh dưỡng và tích lũy chất khá cao. Năng suất cao nhất là V 14, V 15.
- + Các giống C 37, VN 10 tuy có sức đẻ nhánh và thích ứng so với điều kiện thời tiết ẩm ướt nhưng sức đồng hóa kém.

+ Giống C 180 cây cao, hiệu quả đẻ nhánh thấp, năng suất không vượt quá 45 tạ/ha. Giống 17494 cho năng suất thấp 37,8 tạ/ha.

+ Đã tiến hành khảo nghiệm 40 giống lúa tiến bộ và xác định được 10 giống có triển vọng trong sản xuất: C 37, OM 80, 20 B, B 15, XI 11, XI 12, 1548, C 180 và CR 203.

- Đề tài xây dựng mô hình thâm canh 15T/ha đã được triển khai rộng trên diện tích 1000 ha của huyện Đan Phượng. Vấn đề cần tiếp tục giải quyết là phối hợp thế nào giữa cơ cấu giống và mùa vụ để đạt tối ưu về năng suất.

- Đã nghiệm thu và đưa vào ứng dụng rộng rãi mô hình thâm canh ngô cao sản. Đồng thời khảo nghiệm các giống ngô có triển vọng, trong đó có 8 giống ngô ngắn ngày của Nam Tư, ngô Bungari và giống ngô cho năng suất 10 T/ha của Philippin. Đã tiến hành lai tạo và sản xuất F₁ cho năm sau.

Chương trình rau đã chọn lọc, bình tuyển được một số giống rau quả có năng suất cao, phẩm chất tốt và thích hợp với khí hậu nước ta. Đã kiểm nghiệm các tập đoàn rau của các nước làm cơ sở cho việc nhập nội các giống mới: cải bắp, súp-lơ, cà chua, hành tây.

Đã đưa được giống khoai tây Pháp trồng ở huyện Gia Lâm mới vụ đầu đã cho năng suất 10 T/ha, đồng thời ứng dụng thành công kỹ thuật phá ngủ cho khoai tây trồng trong vụ Xuân.

Về quả đã và đang xây dựng vườn quả mẹ tại Suối Hai gồm 20 giống quả có mít và đu đủ là những giống quý, có năng suất cao, phẩm chất ngon và chống được sâu bệnh.

Đề tài chống bệnh vi rút cho khoai tây đã được nghiệm thu ngày 28-10-1988. Đề tài chiếu xạ khoai tây, hành tây được nghiệm thu ngày 3-11-1988 đạt loại xuất sắc.

Chương trình hành tây xuất khẩu bước đầu đã khẳng định được một số yếu tố kỹ thuật canh tác, giống, bảo vệ thực vật và bảo quản.

Về chăn nuôi thú y đã triển khai sinh hóa đàn bò trên diện rộng ở Gia Lâm, Mê Linh, Phúc Thọ. Đặc biệt ở Gia Lâm đã có 90% đàn bò được sinh hóa. Đề tài đã được nghiệm thu và được Thành phố khen thưởng.

Thành phố đã phối hợp với Viện chăn nuôi đưa các giống ngỗng Reinal và gà Rốt-ri vào nuôi ở trại Kiều Ky và hợp tác xã Phụng Thượng để rút kinh nghiệm chuẩn bị đưa vào đại trà. Về thủy sản đã bước đầu nuôi cấy được ngọc trai với 3 loại hydriopsis, Cristaria, Minodonte. Trai đã cho được ngọc màu hồng nhạt và xanh, có thể thu hoạch được sau 24 tháng, tỷ lệ ngâm hạt đạt 60%.

- Đã điều tra được các sinh vật ở Hồ Tây và xây dựng được mô hình toán học về cá của hồ; làm xong át lát về sinh vật của Hồ Tây.

Về lâm nghiệp đã đưa được nhiều giống mới có năng suất cao vào tập đoàn cây rừng như acason, auriculefo, acaspia mangium, Eucalupius Camadulensis...

- Đã xây dựng được bản đồ lập địa và sử dụng vào việc thiết kế kinh doanh rừng.

- Đã trồng và theo dõi được 7 loại cây: thông pinus, Caribe, keo lá chàm, bạch đàn trắng, keo tai tượng Úc và Phú Khánh, bạch đàn biên, bạch đàn trâu và sa nhân; gieo trồng được 1 vạn cây quế bằng hạt của Hoàng Liên Sơn; trồng thử 3 loại cây họ đậu Acassia, Iolocarica, abizia falcateric và Puereamia phascoloides.

Ngành công nghiệp thành phố năm qua đã triển khai 232 đề tài, trong đó có 57 đề tài cấp thành phố. Đến nay đã hoàn thành được 173 đề tài, 26 đề tài sẽ được nghiệm thu kết thúc vào cuối năm, số còn lại là đề tài 2 năm 1988 - 1989. Toàn ngành công nghiệp đã có 132 sản phẩm mới và sản phẩm cải tiến, ứng dụng 103 công nghệ mới và công nghệ cải tiến, có 13 sản phẩm đã được cấp dấu chất lượng Nhà nước, trong đó có 2 sản phẩm được cấp lần đầu (mũ cứng, dây điện).

Nhiều sản phẩm mới có giá trị đã được đưa vào sản xuất như máy tản nhiệt (xi nghiệp Thiết bị lạnh), máy gia công gỗ các loại (cơ khí Đồng Tháp), ô tô xuất khẩu cho Ba Lan (cơ khí Lương Yên), máy khoan đứng 2F135 xuất cho Liên Xô, (cơ khí Giải Phóng), đèn pin bóp (xi nghiệp Mỹ Phẩm), đồng bạch (Ban công nghiệp luyện kim), khuôn cối BK 8 tái sinh (cơ khí Mai Động).

Trong ngành tiểu thủ công nghiệp đã có sản phẩm mới có giá trị như máy khâu công nghiệp 8331 (HTX Cơ khí máy), clorat kali (HTX Hợp Long), vải giả da xốp (HTX Thanh Sơn), giấy nện (Sóc Sơn), thoi dệt (tổ Phúc Thịnh), in hoa trên lụa (tổ Bình Thuận), chế biến nông sản (HTX Dương Liễu, Cát Quế), xi măng mác thấp từ vật liệu địa phương (thị xã Sơn Tây), tấm lợp (Phúc Thọ), v.v...

Ngành giao thông vận tải đã chế tạo và hạ thủy thành công tàu pha sông biển 6507; nghiên cứu thành công quy trình khôi phục xe Carosa. Năm qua đã khôi phục và đưa vào sử dụng 3 xe. Với kết quả này có thể tiếp tục khôi phục hàng trăm xe Carosa hư hỏng, tiết kiệm rất lớn cho ngân sách, đồng thời có thêm phương tiện vận chuyển hành khách.

Ngành Xây dựng đô thị đã hoàn thành và nghiệm thu sắc đề tài:

+ Tiêu chuẩn đánh giá và hiện trạng chất lượng nhà ở.

+ Gia cố nền móng trong sửa chữa cải tạo nhà.

+ Ứng dụng bề tông ứng suất trước trong sửa chữa nhà ở.

+ Nâng cao chất lượng gạch men ốp.

+ Một số bột màu.

Trong lĩnh vực khoa học xã hội năm qua cũng đã thu được kết quả tốt. Chương trình chính sách tài chính phục vụ phát triển kinh tế xã hội Thủ đô, tuy mới được đưa vào kế hoạch năm 1988, nhưng đã triển khai khẩn trương, có 4 đề tài đã hoàn thành và chuẩn bị nghiệm thu.

+ Chính sách tài chính phục vụ công nghiệp.

+ Chính sách tài chính phát triển xây dựng cơ bản.

+ Chính sách tài chính phục vụ phát triển khoa học kỹ thuật.

+ Chính sách tài chính phục vụ kinh tế đối ngoại.

Ngành thể dục thể thao đã nghiệm thu và đưa vào ứng dụng rộng rãi các đề tài: «Nâng cao giáo dục thể chất trong trường phổ thông», «Chúng em vui khỏe».

Ngành Y tế đã có nhiều cố gắng trong việc chăm sóc sức khỏe ban đầu. Nhiều cơ sở đã chủ động nghiên cứu có kết quả. Bệnh viện Thanh Nhân đã tổ chức hội nghị khoa học lần thứ hai. Có 40 đề tài nghiên cứu khoa học được báo cáo ở hội nghị, trong đó có các đề tài được đánh giá cao như phẫu thuật tạo hình, chữa bệnh cột sống bằng thuốc nam, điều trị sản trong lá phổi bằng prochloran, ứng dụng máy tính trong quản lý được. Bệnh viện Y học dân tộc Hồ Nai nhân dịp kỷ niệm thành lập viện 25 năm đã tổ chức hội nghị khoa học, tổng kết kinh nghiệm phát triển theo hướng đa khoa y học dân tộc. Đã tổng kết nhiều kinh nghiệm, phương pháp điều trị các bệnh thần kinh tọa mạn tính, huyết áp, viêm loét dạ dày, viêm thận, sỏi tiết niệu, mỡ trí v.v...

Ngành Văn hóa đã nghiệm thu đề tài «Nghiên cứu định đền ngoại thành Hà Nội». «Đặt tên các đường phố Hà Nội».

Đã nghiên cứu, đánh giá di tích Ngọc Khánh. Đặc biệt, năm qua Thành ủy, UBND chủ trương xây dựng khu di tích Văn Miếu — Quốc Tử Giám thành Trung tâm văn hóa, khoa học Văn Miếu — Quốc Tử Giám. Sau khi được thành lập, Trung tâm đã triển khai nhiều hội thảo lớn như biên soạn lịch sử Thủ đô, hội thảo về chèo, hội thảo về sinh học ứng dụng.

Đồng thời với kế hoạch KHKT, đưa kỹ thuật tiến bộ vào sản xuất, năm qua thành phố còn triển khai nhiều vấn đề như xây dựng chiến lược khoa học và kỹ thuật, xác định được nội dung KHKT, những tiến bộ kỹ thuật, phục vụ 3 chương trình kinh tế lớn của Đảng. Đặc biệt công tác xây dựng chính sách KHKT đã được triển khai rất khẩn trương. Thành phố đã tổ chức nhiều tổ

chuyên gia đi sâu sát cơ sở để nghiên cứu khảo sát, đã tổng kết được 13 mô hình thành công và chưa thành công trong ứng dụng kỹ thuật tiến bộ vào sản xuất. Đã tổ chức được nhiều hội thảo và xây dựng chính sách. Trên cơ sở đó đã trình thành phố ban hành các quy định nhằm đẩy mạnh hoạt động KHKT và những kiến nghị với Đảng, Nhà nước về đổi mới cơ chế chính sách KHKT. Hiện nay đang tiếp tục hội thảo để xác định về cách tổ chức, cơ chế chính sách, cách lựa chọn sản phẩm cho một khu vực «nhất thể hóa» khoa học — đào tạo — kinh tế.

Công tác tiêu chuẩn đo lường chất lượng vẫn được tiến hành khẩn trương. Chỉ cục Tiêu chuẩn — đo lường — chất lượng vẫn được tiến hành khẩn trương. Chỉ cục Tiêu chuẩn đo lường thành phố đã phối hợp với các ngành, các cấp triển khai các kế hoạch xây dựng tiêu chuẩn, đăng ký chất lượng sản phẩm và kế hoạch cấp dấu chất lượng sản phẩm Nhà nước, cũng như kiểm tra đo lường. Do không đủ điều kiện sản xuất nên một số sản phẩm đã phải rút khỏi kế hoạch cấp dấu chất lượng Nhà nước. Đó là:

— Bộ đồ lái xe đạp (XN phụ tùng Thượng Đình);

— Giày ép dúc (XN giày vải Thượng Đình);

— Dép nhựa nam có quai hậu (XN nhựa Hà Nội);

— Quạt trần 1200 — 220V — 50 Hz (Điện cơ Thống Nhất);

— Bộ khóa cửa thông dụng (XN khóa Hà Nội);

— Khăn ăn A 83 cỡ 28 × 28 (dệt Minh khai);

Đến nay Nhà nước đã cấp dấu chất lượng sản phẩm Nhà nước cho:

— Dây điện bọc nhựa (XN Điện dân dụng);

Dây điện bọc nhựa PDLn 0,5 × 2 (tổ Bắc Hùng); mũ các tông ép (XN mũ Hà Nội) M — 84.

Cấp lại các sản phẩm:

Tơ máy trắng (XN tơ Đan Hoài); Líp xe đạp (xích líp Đồng Anh); Vành xe đạp bằng thép mạ (XN Xuân Hòa); Bộ đồ bánh thép mạ (XN phụ tùng Thượng Đình); Khóa xe đạp dây cáp (XN khóa Hà Nội); Khóa treo 4 loại (XN khóa Hà Nội); Vải bạt mọt 2718, 3018 (dệt 19/5); Bao tay da bảo hộ lao động xuất khẩu, ASK 154 (XN giày da Hà Nội); Quả cầu nhựa (XN Nhựa Hà Nội); Líp xe đạp Giải Phóng (XN cơ khí Giải Phóng); Yên xe đạp Nam Thái (XN yên Nam Thái); Vải giả da (HTX Thanh Sơn);

Một số sản phẩm khác đã làm xong thủ tục, đang chờ nhận dấu.

Về thanh tra, đã phối hợp với các Ban ngành kiểm tra chất lượng sản phẩm từ sản xuất đến lưu thông phân phối, đã phát hiện ra nhiều lỗ hàng giả, hàng kém chất lượng buộc phải xử lý hoặc đình chỉ lưu thông.

Đã tiến hành thanh tra đo lường đối với nước mắm, dầu hỏa, lương thực, bia hơi cho thấy các dụng cụ đo lường đều sai quá quy định. Máy đóng nước mắm thiếu 10,5%, mã hàng thiếu 8,17%, bia hơi thiếu 15 - 25%. Lương thực, số mã lương thực cân sai chiếm 46%, dầu hỏa số mã hàng thiếu chiếm 41%. Nói chung các dụng cụ đo lường trong lưu thông không chính xác.

Nhìn chung công tác KHKT năm qua vẫn được giữ vững. Đã khắc phục được nhiều khó khăn nhất là giá cả leo thang, vật tư thiếu thốn để tổ chức triển khai. Hoạt động KHKT của thành phố được phát triển toàn diện cả về ứng dụng chiến lược, chính sách. Đã chú ý áp dụng nhiều kỹ thuật tiến bộ vào sản xuất, đã gần được hoạt động KHKT với hiệu quả kinh tế xã hội như xe đạp, máy lạnh, xe điện bánh hơi, tàu pha sông biển, vải giả da xốp, giống cây con, v.v...

Nhiều chương trình triển khai khẩn trương có hiệu quả như chương trình cây lương thực (01 - 02), chương trình khai thác vận tải và phương tiện (01 - 13), chương trình máy lạnh (01 - 20), chương trình thanh thiếu nhi (02 - 24), chương trình xe đạp xe máy (01 - 26), chương trình chính sách tài chính phục vụ phát triển kinh tế xã hội Thủ đô (01 - 27).

Lãnh đạo nhiều ban ngành đã quan tâm chỉ đạo công tác KHKT như Sở công nghiệp, nông nghiệp, giao thông vận tải, huyện Đan Phượng, Hoài Đức, Mê Linh, Gia Lâm, thị xã Sơn Tây, v.v... Nhưng vẫn còn nhiều ban ngành chưa quan tâm đầy đủ, còn buông lỏng cho cán bộ khoa học, chưa quan tâm tháo gỡ khó khăn tạo điều kiện như UBND huyện Từ Liêm, liên hiệp xã thủ công nghiệp thành phố, Sở Công trình đô thị. Trừ một số sản phẩm trọng điểm như quạt máy, xe đạp, vải..., chất lượng sản phẩm nói chung đều giảm sút. Nguyên nhân chính do vật tư thiếu, lại không đồng bộ và do cơ chế vẫn chưa khuyến khích. Hàng giả, hàng kém phẩm chất còn xuất hiện tràn lan đặc biệt trong khâu lưu thông và buôn bán cá thể.

Dụng cụ đo lường thiếu, không đảm bảo chất lượng nhất là trong các khâu chất đốt, thực phẩm và giao nhận lớn: lương thực, xăng dầu, vật tư, v.v...

Chương trình khôi phục hàng mỹ nghệ (01 - 18) qua nhiều năm vẫn còn lúng túng, nội dung còn đơn điệu nghèo nàn, nguyên nhân do lãnh đạo liên xã Thủ công nghiệp không quan tâm.

Từ các ban ngành đến cơ sở vẫn còn nặng tư tưởng bao cấp, vẫn còn dựa vào sự tài trợ của Thành phố chứ không dám mạnh dạn, chủ động

huy động các nguồn vốn với tinh thần tự chịu trách nhiệm, đề nâng cao năng suất lao động và chất lượng sản phẩm.

★

Bước sang năm 1989 Thành phố sẽ thực hiện đổi mới kế hoạch hóa KHKT theo đúng tinh thần 217/HDBT và 134/HDBT:

- + Cơ sở tự lựa chọn vấn đề.
- + Tự lo vốn và điều kiện thực hiện.
- + Tự chịu trách nhiệm về thành công, thất bại và đưa vào sản xuất.

Cơ sở không phải bảo vệ, nhưng phải đăng ký với cơ quan quản lý để phối hợp chung và để tránh khỏi trùng lặp.

+ Thực hiện phân cấp cho các quận huyện, thị xã quản lý 2% ngân sách của quận, huyện, thị xã cho hoạt động KHKT, UBND quận, huyện, thị xã tự tổ chức lựa chọn, ra quyết định giao nhiệm vụ và tổ chức thực hiện, không phải bảo vệ nhưng phải đăng ký với Ủy ban Khoa học kỹ thuật thành phố để khỏi trùng lặp và để phối hợp chung, với Ủy ban Kế hoạch để cân đối vật tư, với Sở Tài chính để cân đối ngân sách.

Trong số 2% ngân sách của Thành phố dành cho hoạt động KHKT sẽ được phân bổ như sau:

- 20% dành cho nghiên cứu chiến lược, quy hoạch, điều tra cơ bản tổng hợp.
- 60% cho các nhiệm vụ trọng điểm để áp dụng kỹ thuật tiến bộ trong sản xuất hoặc các chương trình phát triển xã hội, hỗ trợ cho các hợp đồng chuyển giao công nghệ.

Phương pháp tài trợ của Thành phố sẽ thực hiện theo phương pháp đặt hàng giao nhiệm vụ.

Trọng tâm công tác KHKT năm nay tập trung vào hướng phát triển điện tử, sinh học, vật liệu mới và cơ kim khí nhô phục vụ phát triển kinh tế gia đình và kinh tế nông thôn. Ngoài những chương trình đã có và đang tiếp tục, năm nay sẽ bổ sung thêm một số chương trình mới:

- Tổ chức giao thông và giao thông công cộng thành phố thay thế chương trình 01 - 13 đã kết thúc;

- Chương trình sản xuất các dụng cụ điện;
- Chương trình cơ kim khí;
- Chương trình phòng và chữa bệnh;

Đồng thời tiếp tục nghiên cứu chiến lược KHKT, xây dựng chương trình hành động cho năm 1989 - 1990 và những năm tiếp theo;

- Tiếp tục hoàn thiện việc xây dựng chính sách KHKT, đặc biệt xây dựng các quy định cơ chế, các mối quan hệ, các sản phẩm sẽ lựa chọn v.v... của khu vực «nhất thể hóa» khoa học - đào tạo - kinh tế, dự kiến xây dựng ở khu Đại Cồ Việt.

(Xem tiếp trang 26)

suất tiềm năng cho từng loại cây trồng trên từng vùng sinh thái nông nghiệp để lựa chọn bố trí một hệ thống cây trồng tối ưu.

Các yếu tố chỉ thị cho kiểm kê khí hậu bao gồm:

1. Bức xạ mặt trời
2. Nhiệt độ không khí
3. Lượng mưa, cường độ mưa, thời kỳ sinh trưởng của cây trồng
4. Lượng bốc hơi
5. Gió, bao gồm tốc độ và hướng
6. Các tai biến: bão, gió khô nóng, rét đậm, rét hại, sương muối, hạn hán

Các yếu tố chỉ thị cho kiểm kê đất bao gồm:

a) Về lượng:

1. Hiện trạng sử dụng đất
2. Tiềm năng xâm thực (tỷ lệ đất bị phá hủy do tác động nhân tạo)
3. Đất được khai thác cho mục đích phi nông nghiệp

4. Đất bị ngập lún

b) Về chất:

5. Sự phân hạng đất, kết cấu, độ thấm
6. Độ pH, độ mặn
7. Năng lực trao đổi cation
8. Các chất độc (thuốc sâu, kim loại nặng đưa vào đất trực tiếp hoặc gián tiếp độc hại cho cây trồng và vật nuôi)

Các yếu tố chỉ thị cho kiểm kê tài nguyên nước:

1. Lượng dòng chảy năm, mùa, tháng lớn nhất kiệt nhất.

2. Đặc điểm mùa lũ, mùa cạn

3. Sự xâm nhập triều mặn

b) Về chất:

Dòng chảy cát bùn năm, mùa, tháng

5. Dòng chảy các chất hòa tan

6. Độ khoáng, độ cứng, độ kiềm, độ pH, độ mặn

7. Lũ bùn đá

Bên cạnh các số liệu về các yếu tố chỉ thị còn sử dụng các loại bản đồ phân vùng khí hậu nông nghiệp, phân vùng thủy văn. Các chỉ tiêu khí tượng, thủy văn nông nghiệp cho một số cây trồng chính.

Để tính toán tiềm năng sản xuất sinh khối thực của một số cây trồng chính dùng phương pháp của FAO trong tài liệu, « Báo cáo về dự án các vùng sinh thái nông nghiệp, tập I » năm 1978 và được FAO/UNESCO/WMO sử dụng để tính cho các vùng sinh thái nông nghiệp ở khu vực Đông Nam Á gió mùa ẩm công bố năm 1982. Mô hình tính giả thiết sản lượng sinh khối thực (B_n) là hiệu số của sản lượng tổng sinh khối và tổn thất thở (R) sử dụng các thông số về bức xạ (B_g) mặt trời, bức xạ quang hợp, nhiệt độ dài thời kỳ sinh trưởng các giống cây trồng.

Mỗi cây trồng có yêu cầu riêng về chất lượng đất và trong từng giai đoạn sinh trưởng lại có

yêu cầu và nhiệt độ, bức xạ, lượng nước và các chất dinh dưỡng thích hợp để tăng trưởng, tích lũy vật chất cho đến khi thành thực. Khi các điều kiện được thỏa mãn thì cây trồng cho năng suất cao, nếu thiếu quá hoặc thừa quá cũng sẽ gây ra sự giảm năng suất hoặc bị mất trắng. Vì vậy khi bố trí hệ thống cây trồng phải vận dụng nguyên tắc thích nghi tối đa sao cho cây trồng sử dụng tốt nhất các tài nguyên khí hậu, đất, nước và lách tránh được những thời đoạn cường bức gây thiệt hại cho tăng trưởng hình thành năng suất trong các giai đoạn sinh trưởng. Đồng thời cần chú ý đầy đủ đến vấn đề bảo vệ các tài nguyên môi trường sinh thái duy trì sự khai thác bền vững.

Hiện nay chương trình 42A đang phối hợp với Ủy ban khoa học kỹ thuật tỉnh và đại KTTV Nghĩa Bình, Bình Trị Thiên và Đồng Nai thử nghiệm quy trình này, ứng dụng các kết quả nghiên cứu của Chương trình cho lãnh thổ một tỉnh.

Mong rằng có thể giải quyết từng bước vấn đề nông nghiệp sinh thái đáp ứng cho nền nông nghiệp hàng hóa phát triển cơ sở khoa học. Mỗi vùng sinh thái nông nghiệp sẽ có một hệ thống cây trồng phù hợp, cho sản lượng cao. Quá trình thử nghiệm ứng dụng là một quá trình đúc kết kinh nghiệm và phương pháp luận để bổ xung cho những bước phát triển tiếp theo để khi kết thúc Chương trình có thể đưa ra một quy trình công nghệ phù hợp cho các địa phương phục vụ tốt cho chương trình lương thực thực phẩm của Đảng và Nhà nước.

Biên tập: Đỗ Thanh Thây

Công tác khoa học kỹ thuật...

(Tiếp theo trang 23)

Quan triệt đến tận các cơ sở sản xuất và phân phối lưu thông tỉnh thần 222/HDBT và 1311/QĐ — KHKT về quản lý chất lượng sản phẩm. Tiến hành một cách rộng khắp và nghiêm túc việc đăng ký chất lượng sản phẩm, nâng cao hiệu quả sản xuất tiết kiệm nguyên vật liệu, vật tư, đáp ứng yêu cầu của người tiêu dùng.

— Tiếp tục nhân rộng 13 điển hình đã được tổng kết nhằm đưa nhanh các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất.

— Tăng cường mối liên kết, hợp tác với các tỉnh bạn trong việc triển khai chương trình đồng bằng sông Hồng, tiếp tục trao đổi học tập kinh nghiệm lẫn nhau trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật giữa thành phố Hà Nội — thành phố Hồ Chí Minh và Hải Phòng.

Biên tập: Ngô Tiến Phúc